

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:20/2019/HS-ST
Ngày 29-7-2019.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phùng Văn Luân - Phó Bí thư huyện Đoàn huyện Tân Phước

Bà Võ Thị Kim Loan - Hiệu trưởng Trường THCS Phú Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:21/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Ngọc Đ

Sinh ngày: 24 tháng 11 năm 2002, tại: Long An;

Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12;

Con ông: Huỳnh Ngọc C, sinh năm 1973; Con bà: Phạm Thị Cẩm H, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Ngọc Đ: Bà Phạm Thị Cẩm H, sinh năm 1978 là mẹ ruột của bị cáo. Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc Đ: Luật sư Nguyễn Trà Duy L – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Tư vấn Pháp luật MT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Bị hại:

1. Phan Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

2. Phạm Thị N, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 40 phút ngày 13/02/2019, Phạm Ngọc Đ, sinh ngày 24/11/2002, ĐKTT ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang đi bộ đến nhà anh Phan Văn T, sinh năm 1982, ngụ cùng ấp. Thấy nhà anh T cửa nhà trước khóa, không người trông coi, Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên vòng ra cửa sau nhà, dùng chân đạp bể tấm ván gỗ trên cửa, dùng tay mở chốt cửa đột nhập vào trong nhà. Đ đi vào phòng ngủ của anh T lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 và 01 máy tính bảng hiệu Masstel Model Tab 10. Sau đó Đ đem máy tính bảng về nhà cất giấu, đem điện thoại đến cửa hàng điện thoại Thanh T do chị Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1980, ĐKTT ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang để cài lại chương trình.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, màu trắng bạc, model AL530, IMEL 358764050928008; 01 máy tính bảng hiệu Masstel model Tab 10, IMEL 352037076046040, màu trắng vàng; 01 hộp giấy đựng máy tính bảng, hiệu Masstel Tab 10.

Theo Kết luận định giá số 118/KL-HĐ ngày 22/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Tân Phước kết luận: Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 2.948.000đồng.

Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKS-TP ngày 21/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phạm Ngọc Đ khai: Do không có tiền để chơi điện tử và thấy nhà anh T không có người trông coi nên bị cáo nảy sinh trộm cắp. Bị cáo đã đi vòng ra cửa sau nhà, dùng chân đạp bể tấm ván gỗ trên cửa, dùng tay mở chốt cửa đột nhập vào trong nhà của anh T lấy trộm 01 điện thoại di động và 01 máy tính bảng sau đó bị phát hiện và thu hồi.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo cho rằng: Về tội danh và khung hình phạt thống nhất như Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên, cần xem xét bị cáo là người chưa thành niên phạm tội. Bị cáo sau khi phạm tội đã biết ăn năn hối cải, khai báo thành khẩn. Bị cáo học vấn thấp, khi phạm tội bị cáo chỉ mới 16 tuổi 02 tháng nên nhận thức về pháp luật hạn chế. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Bị cáo đủ điều kiện xem xét miễn trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và áp dụng một trong các biện pháp tư pháp quy định tại mục 2 chương XII Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo không bổ sung gì với lời khai của bị cáo. Thống nhất với lời khai nhận hành vi phạm tội của con mình và không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi và trả lại chủ sở hữu. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt. Tình tiết tăng nặng: Không có. Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Phạm Ngọc Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo: Phạm Ngọc Đ từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Phước thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, màu trắng bạc, model AL530, IMEL 358764050928008; 01 máy tính bảng hiệu Masstel model Tab 10, IMEL 352037076046040, màu trắng vàng; 01 hộp giấy đựng máy tính bảng, hiệu Masstel Tab 10. Trong quá trình điều tra, xét thấy tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Phan Văn T và chị Phạm Thị N nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phước đã trả lại toàn bộ tài sản lại cho các chủ sở hữu.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Căn cứ xem xét, đánh giá về tội danh và khung hình phạt:

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc Đ đã khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người bị hại cùng vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào bản kết luận định giá số 118/KL-HĐ ngày 22/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phước, kết luận: Tổng giá

trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.948.000đồng.

Từ các căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xác định: Vào khoảng 15 giờ 40 phút ngày 13/02/2019, tại nhà anh Phan Văn T tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Bị cáo Phạm Ngọc Đ đã lợi dụng lúc nhà anh Phan Văn T không có người trông coi, bị cáo Đ lén lút đột nhập vào bên trong trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 và 01 máy tính bảng hiệu Masstel Model Tab 10. Sau đó bị phát hiện và thu hồi toàn bộ tài sản bị trộm cắp. Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Ngọc Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như bản cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước đã truy tố bị cáo.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo Đ tại thời điểm phạm tội tuy chưa đủ 18 tuổi nhưng bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm và sẽ bị trừng trị. Nhưng do muốn dễ dàng có tiền để phục vụ cho nhu cầu bản thân nên bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Lợi dụng sự sơ hở của người khác đi làm không có người trông coi nhà, bị cáo đã thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm minh bằng Luật hình sự với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[4] Hình phạt áp dụng: Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, không cần phải cách ly bị cáo mà có thể cho bị cáo hưởng án treo là thỏa đáng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phước đã trả lại toàn bộ tài sản cho các chủ sở hữu. Chị Phạm Thị N và anh Phan Văn T đã nhận lại số tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Phước thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, màu trắng bạc, model AL530, IMEL 358764050928008; 01 máy tính bảng hiệu Masstel model Tab 10, IMEL 352037076046040, màu trắng vàng; 01 hộp giấy đựng máy tính bảng, hiệu Masstel Tab 10. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phước đã trả lại toàn bộ tài sản cho các chủ sở hữu là có căn cứ.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

[8] Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp, người bào chữa được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

[9] Xét lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về việc miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và áp dụng một trong các biện pháp tư pháp là không thỏa đáng, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[10] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Ngọc Đ** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 91, Điều 98 và Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Đ 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 29/7/2019.

Giao bị cáo Phạm Ngọc Đ cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Phạm Ngọc Đ thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách được thực hiện theo khoản 1 điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, đại diện hợp pháp, người bào chữa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Công an huyện Tân Phước;
- CC.THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Hương